

CÔNG TY CỔ PHẦN 86 TRƯỜNG AN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN 86 TRƯỜNG AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 86 TRUONG AN JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: 86 TRUONG AN.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110278495

3. Ngày thành lập: 08/03/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 18A, Tổ dân phố số 9, đường Mậu Lương, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0968 875 336

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, Chống ẩm các toà nhà; Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối; Uôn thép; Xây gạch và đặt đá; Lợp mái các công trình nhà để ở; Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo; Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp; Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. + Các công việc dưới bề mặt; + Xây dựng bể bơi ngoài trời; + Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà + Thi công xây dựng công trình	4390
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
7.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543

9.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
10.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
11.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
12.	Bán buôn thực phẩm	4632
13.	Bán buôn đồ uống	4633
14.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
15.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
16.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn chế phẩm vệ sinh: Xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi, khăn giấy, tã giấy, giấy vệ sinh...	4649(Chính)
17.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
18.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
21.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
22.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng miếng và kim loại quý khác)	4662
23.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
24.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm)	4669
25.	Khai thác quặng sắt	0710
26.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hoạt động tổ chức hợp báo)	8230
27.	Dịch vụ đóng gói	8292
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
29.	Đào tạo đại học Chi tiết: Cơ sở giáo dục đại học	8541
30.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Dạy đọc nhanh; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;	8559

31.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
32.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
33.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
34.	Lập trình máy vi tính	6201
35.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
36.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin.	6209
37.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
38.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm	6622
39.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
40.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản	6820
41.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; Thiết kế máy móc và thiết bị; Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. - Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông (gồm: đường bộ; cầu - hầm; đường sắt; đường thủy nội địa, hàng hải); Thiết kế xây dựng công trình cấp nước - thoát nước; xử lý chất thải rắn; thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, đê điều ; Giám sát công tác xây dựng công trình ; - Khảo sát xây dựng ; - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng ; - Thiết kế xây dựng công trình ; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng ; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng ; - Kiểm định xây dựng ; - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng ; - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy ; - Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, quan trắc, trắc đạc công trình ; - Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường ; - Tư vấn đánh giá dự án đầu tư ; - Dịch vụ tư vấn đấu thầu ; - Tư vấn thiết kế công trình điện và tư vấn giám sát thi công công trình điện	7110

42.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
43.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
44.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
45.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
46.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá và các loại nhà nước cấm)	7310
47.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
48.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về Công nghệ ; Dịch vụ chuyển giao công nghệ	7490
49.	Cho thuê xe có động cơ	7710
50.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
51.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
52.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
53.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
54.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
55.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
56.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
57.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
58.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
59.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
60.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
61.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
62.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
63.	Cửa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
64.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
65.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
66.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
67.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
68.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
69.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
70.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm)	1709

71.	In ấn (Trừ loại nhà nước cấm)	1811
72.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
73.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
74.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
75.	Đúc sắt, thép	2431
76.	Đúc kim loại màu (Không bao gồm sản xuất, kinh doanh vàng miếng)	2432
77.	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng (tháp, cột, cầu treo...); Sản xuất khung kim loại công nghiệp; sản xuất nhà đúc sẵn bằng kim loại; Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung của chúng, cửa chớp, cổng, vách ngăn phòng bằng kim loại	2511
78.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
79.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
80.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
81.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đạc; sản xuất cửa an toàn, kết, cửa bọc sắt	2599
82.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ	4781
83.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
84.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)	4799
85.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
86.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng	4932
87.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng	4933
88.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
89.	Bốc xếp hàng hóa	5224
90.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; Dịch vụ Logistics (trừ dịch vụ cung cấp tại các sân bay, dịch vụ vận tải hàng không, vận tải đường sắt)	5229
91.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
92.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

93.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
94.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
95.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5630
96.	Xuất bản phần mềm (Không bao gồm xuất bản phẩm)	5820
97.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
98.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
99.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Trừ cho thuê máy bay)	7730
100.	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa phục vụ khách du lịch nội địa; Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam và khách du lịch ra nước ngoài	7911
101.	Điều hành tua du lịch	7912
102.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
103.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
104.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
105.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: - Dịch vụ tẩy uế và diệt trùng; Dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm	8129
106.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
107.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
108.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
109.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
110.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
111.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
112.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
113.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
114.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
115.	Tái chế phế liệu	3830
116.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
117.	Xây dựng nhà để ở	4101
118.	Xây dựng nhà không để ở	4102
119.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
120.	Xây dựng công trình điện	4221
121.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222

122.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
123.	Xây dựng công trình thủy	4291
124.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
125.	Phá dỡ	4311
126.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động Đào mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng)	4312
127.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
128.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
129.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
130.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
131.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại nhà nước cấm)	4759
132.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
133.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
134.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
135.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
136.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế)	4772
137.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 3.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THANH HIỀN	Số 18A, Tổ dân phố số 9, , Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	900.000	9.000.000.000	30,000	0361890054 01	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	900.000	9.000.000.000	30,000		
2	ĐẶNG THỊ TẮM	Thôn Chính Đa, Xã Quảng Chính, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.200.0 00	12.000.000.000	40,000	0451700001 38	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.200.0 00	12.000.000.000	40,000		

3	TRẦN VĂN QUÝ	Căn hộ 806 Chung cư A2X2, ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	900.000	9.000.000.000	30,000	0360780043 65
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	900.000	9.000.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN VĂN QUÝ

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 01/01/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036078004365

Ngày cấp: 08/08/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Xóm 4, Xã Giao Thiện, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ 806 Chung cư A2X2, ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội